

Số: 1407/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 10 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi,
bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi
quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 230/TTr-STNMT ngày 29/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục **30** thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai được sửa đổi, bổ sung (*cấp tỉnh: 28 thủ tục; cấp huyện: 01 thủ tục; cấp xã: 01 thủ tục*) thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: đăng tải nội dung Quyết định lên trang văn bản pháp luật của tỉnh tại địa chỉ: <https://qppl.quangnam.gov.vn> để các cơ quan, đơn vị, địa phương truy cập, tải về triển khai thực hiện.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh đầy đủ, chính xác nội dung cấu thành thủ tục hành chính, cập nhật lên Trang thông tin điện tử của Sở; đồng thời, gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông (kèm bản mềm đến địa chỉ email: congpc2@quangnam.gov.vn và binhtt@quangnam.gov.vn), Trung tâm Phục vụ hành chính công Quảng Nam chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ khi Quyết định này có hiệu lực để đăng tải công khai và niêm yết dữ liệu đúng theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thiện quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (*nếu có sự thay đổi*) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin Một cửa điện tử.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính có số thứ tự: 02, 04, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30 mục I phần A, số thứ tự: 02, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28 mục I phần B và số thứ tự số 01 mục I phần C tại Danh mục thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định 3677/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Thay thế các thủ tục hành chính tại danh mục thủ tục được ban hành kèm theo Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền Thông, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Chỉ đạo CCHC&CDS tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm QTI;
- CVP, PCVP Lê Ngọc Quảng;
- Lưu: VT, KTN, TTPVHCCQN, NCKS.

E:\Dropbox\CÔNG2023\QUYETDINH\TN&MT\0307 QĐ công bo230.docx

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số #sov/QĐ-UBND ngày #nbh/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Cơ quan thực hiện
1	1.010200.00 0.00.00.H47	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.	-Luật Đất đai năm 2013. -Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.	UBND cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường
2	1.003010.00 0.00.00.H47	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. -Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường
3	1.005398.00 0.00.00.H47	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu.	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai

4	2.001938.00 0.00.00.H47	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
5	1.004238.00 0.00.00.H47	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
6	1.004227.00 0.00.00.H47	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017. - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
7	1.004221.00 0.00.00.H47	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề.	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
8	1.004203.00 0.00.00.H47	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai

			- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017. - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021.	
9	1.004199.00 0.00.00.H47	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
10	1.004193.00 0.00.00.H47	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
11	1.004177.00 0.00.00.H47	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện.	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014.	(1) UBND tỉnh (2) UBND cấp huyện (3) Văn phòng Đăng ký đất đai (4) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
12	1.011616.00 0.00.00.H47	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai

			- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017.	
13	2.000983.00 0.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
14	1.002255.00 0.00.00.H47	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
15	2.000976.00 0.00.00.H47	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai

			- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017. - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021.	
16	1.002273.00 0.00.00.H47	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở và trong các dự án kinh doanh bất động sản không phải dự án phát triển nhà ở.	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015. - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
17	1.002993.00 0.00.00.H47	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015. - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
18	2.000889.00 0.00.00.H47	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai

		dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tặng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017. - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021.	
19	1.001991.00 0.00.00.H47	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hằng năm	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014.	(1) UBND tỉnh (2) UBND cấp huyện (3) Văn phòng Đăng ký đất đai (4) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
20	2.000880.00 0.00.00.H47	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp.	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017. - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
21	1.001134.00 0.00.00.H47	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hằng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai

		giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021.	
22	1.005194.00 0.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
23	1.001045.00 0.00.00.H47	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015. - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
24	1.001009.00 0.00.00.H47	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai

			- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015.	
25	1.001990.00 0.00.00.H47	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017. - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
26	1.004206.00 0.00.00.H47	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017. - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
27	1.004217.00 0.00.00.H47	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017. - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai

28	1.003572.00 0.00.00.H47	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “đón điền, đổi thửa” (đồng loạt)	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017. - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021.	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
----	----------------------------	---	--	--

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Cơ quan thực hiện
1	2.001234.00 0.00.00.H47	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Phòng Tài nguyên và Môi trường

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Cơ quan thực hiện
1	1.003554.00 0.00.00.H47	Hòa giải tranh chấp đất đai	- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.	UBND cấp xã